TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2020/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Đình Thông

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/01/2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", Theo Quyết định mở phiên họp số 11/2020/QĐ-TA ngày 18/02/2020 bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Chị Trần Thị K, sinh ngày 26/02/1987

Địa chỉ: Xóm V, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

2. Anh Trần Đình Đ, sinh ngày 10/10/1980

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm V, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Mỹ.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Theo đơn yêu công nhận thuận tình ly hôn của chị Trần Thị K và đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai của anh Trần Đình Đ trình bày thống nhất như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Trần Đình Đ đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 04/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 09 năm. Năm 2014, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Mỹ, thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau, càng về sau càng ít khi liên lạc. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, giữa hai bên ngày càng có sự khác biệt, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến thường xuyên cải cọ nhau.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hai bên ngày càng có sự khác biệt về suy nghĩ, hoài nghi nhau nên không còn quan tâm đến nhau và không còn tình cảm với nhau. Hiện tại anh Đ đang sinh sống lao động tự do tại Mỹ, chị K đang sinh sống tại Việt Nam. Chị K và anh Đ đều nhận thấy tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng nên thống nhất thuận tình ly hôn để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Ngọc Trang L, sinh ngày 01/5/2012 và Trần Ngọc Lan P, sinh ngày 02/10/2013, hiện nay hai cháu đang ở với chị K. Chị Trần Thị K và anh Trần Đình Đ thống nhất thỏa thuận giao hai con chung Trần Ngọc Trang L và Trần Ngọc Lan Pcho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị K không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian anh Đ chưa về Việt Nam, chị K thay anh Đ chăm sóc hai con chung cho đến khi anh Đ về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Đình Đ có đơn yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và uỷ quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho ông Trần Văn T (là bố đẻ anh Đ), sinh năm 1955; CMND số 180664082; địa chỉ: Xóm V, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Trần Đình Đ hiện đang sinh sống tại Mỹ. Theo thông tin cung cấp của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an số 1569/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh thì anh Trần Đình Đ đã xuất, nhập cảnh 14 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 05/4/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Anh Trần Đình Đ có đơn yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho ông Trần Văn T (là bố đẻ anh Đ), sinh năm 1955; CMND số

180664082; địa chỉ: Xóm V, xã X, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh Trần Đình Đ theo thủ tục chung

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị K và anh Trần Đình Đ đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của chị Trần Thị K và anh Trần Đình Đ hạnh phúc được một thời gian đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, hai bên ngày càng có sự khác biệt về suy nghĩ, hoài nghi nhau nên không còn quan tâm đến nhau và không còn tình cảm với nhau. Nay, các đương sự đều tự nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ này.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng cuộc hôn nhân của chị Trần Thị K và anh Trần Đình Đ không đạt được mục đích đó.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...."(Điều 55).

Như vậy, chị Trần Thị K và anh Trần Đình Đ đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, hai con chung là Trần Ngọc Trang L, sinh ngày 01/5/2012 và Trần Ngọc Lan P, sinh ngày 02/10/2013, hiện nay hai cháu đang ở với chị K. Chị K và anh Đ đã thống nhất giao con chung cho anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị K không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian anh Đ chưa về Việt Nam, chị K thay anh Đ chăm sóc hai con chung cho đến khi anh Đ về Việt Nam. Sự thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên cần căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của họ để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị K và anh Trần Đình Đ.

2. Quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Trần Ngọc Trang L, sinh ngày 01/5/2012 và Trần Ngọc Lan P, sinh ngày 02/10/2013, cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị K không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Trong thời gian anh Đ chưa về Việt Nam, chị K thay anh Đ chăm sóc hai con chung cho đến khi anh Đ về Việt Nam.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Trần Thị K (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0001781 ngày 20/01/2020 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Q;
- UBND xã X;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Bùi Đình Thông